

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 17-01-2022
V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tài

Bà Trần Thị Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Cao Thị Hồng H**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Số 43 đường L, tổ 6, thị trấn L, huyện B, tỉnh L.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Mậu S**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn L, huyện B, tỉnh L.

(Chị H có mặt, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2021 của chị Cao Thị Hồng H và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh S tìm hiểu nhau trong khoảng 02 năm, được hai bên gia đình đồng ý thì có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh L vào ngày 17/7/2017. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S đã có người phụ nữ khác và dọn ra ngoài sống riêng. Từ đó đến nay phần ai người đó sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không làm ăn kinh tế chung. Nay tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Mậu S.

Về con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Mậu Thành L, sinh ngày 11/02/2019. Nay chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Mậu S trình bày: Tại đơn đề nghị vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử ngày 03/12/2021 anh S đồng ý ly hôn với chị H, đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung, nợ chung không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải nhưng không được vì anh S xin vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Mậu S có đơn đề nghị vắng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Cao Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Mậu S nên xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh L vào ngày 17/7/2017 là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian sống chung, chị H cho rằng nguyên nhân làm cho vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh S có người phụ nữ khác và đã dọn ra ngoài sống riêng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa.

Xét thấy từ đầu năm 2021 đến nay chị H và anh S không còn sống chung với nhau nữa điều đó cho thấy trong thời gian qua giữa chị H và anh S sống chung không hạnh phúc, không hàn gắn được mâu thuẫn vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H yêu cầu được ly hôn anh S cũng đồng ý.

Do vậy, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Cao Thị Hồng H và anh Nguyễn Mậu S được ly hôn với nhau là đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Về con chung: Chị H và anh S có 01 con chung là Nguyễn Mậu Thành L, sinh ngày 11/02/2019. Từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, chị H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh S cũng đồng ý. Do vậy, giao con chung là Nguyễn Mậu Thành L chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là đúng quy định của pháp luật. Chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh S đều trình bày không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Cao Thị Hồng H xin ly hôn nên buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn chị Cao Thị Hồng H đối với bị đơn anh Nguyễn Mậu S.

Xử cho chị Cao Thị Hồng H được ly hôn với anh Nguyễn Mậu S.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Mậu Thành L, sinh ngày 11/02/2019 cho chị Cao Thị Hồng H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có

4. Về án phí: Buộc chị Cao Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005068 ngày 19/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a,

Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Văn Biên